

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Mã số: MLP123

Số tín chỉ: 3

Ngành đào tạo: Lâm sinh

Thái Nguyên, 2021

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 01 năm 2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: LÂM SINH

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Triết học Mác - Lênin
- Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist philosophy
- Mã học phần: MLP131
- Số tín chỉ: 3
- Module: 1
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
Học phần học trước: không
Học phần tiên quyết: không
- Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45/0/90)
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Cơ bản <input checked="" type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Bổ trợ <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1: Nguyễn Thị Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sỹ
- Bộ môn: Khoa học xã hội
- Khoa: Khoa học cơ bản
- Điện thoại: 0985.899.475 Email: nguyenthihuyen@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kinh tế chính trị tại trường ĐH Quốc Gia Hà Nội năm 2006. Năm 2012, tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế chính trị tại trường ĐH Quốc Gia Hà Nội. Hiện nay đang là Nghiên cứu sinh chuyên ngành Kinh tế chính trị trường ĐH QUỐC GIA Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là kinh tế hộ gia đình, sinh kế, chính sách...Đã đăng được 4 bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 3 đề tài khoa học cấp cơ sở, tham gia 2 đề tài cấp cơ sở.

2.2. Giảng viên 2: Nguyễn Thị Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Bộ môn: Khoa học xã hội
- Khoa: Khoa Khoa học cơ bản
- Điện thoại: 0936102508 , email: nguyenthuycb@tuaf.edu.vn

- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học Triết học- chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học năm 2006 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tốt nghiệp thạc sĩ triết học năm 2012 tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là chính sách dân tộc, gia đình, hệ thống CT XHCN. Đã đăng được 6 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia thực hiện 2 đề tài cấp cơ sở. Là đồng tác giả biên soạn sách chuyên khảo Những nguyên lý triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin năm 2019.

2.3. Giảng viên 3: Lê Quốc Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Bộ môn: Khoa học xã hội

- Khoa: Khoa Khoa học cơ bản

- Điện thoại: 0904979297 , email: lequoctuan@tuaf.edu.vn

- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học ngành Triết học- chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học năm 2006 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tốt nghiệp thạc sĩ triết học năm 2010 tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, đang làm nghiên cứu sinh tại trường Đại học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là chính sách tôn giáo, văn hóa, hệ thống CT XHCN. Đã đăng được 4 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia thực hiện 2 đề tài cấp cơ sở. Là đồng tác giả biên soạn sách chuyên khảo Những nguyên lý triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin năm 2019.

2.4. Giảng viên 4: Ngô Thị Mây Ước

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Bộ môn: Khoa học xã hội

- Khoa: Khoa Khoa học cơ bản

- Điện thoại: 0976178983/0989103228 , email: ngothimayuoc@tuaf.edu.vn

- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học Triết học- chuyên ngành Triết học năm 2006 tại Trường Đại học KHXH & NV – Đại học Quốc gia Hà Nội, tốt nghiệp thạc sĩ triết học năm 2011 tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là triết học, lịch sử triết học, phương pháp giảng dạy, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đã đăng được 04 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 06 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

III. Mô tả học phần

Học phần Triết học Mác - Lênin bao gồm có 3 chương. Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần này trang bị cho sinh viên thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng trong quá trình nhận thức thế giới cũng như trong hoạt động thực tiễn, để từ đó giúp sinh viên phân tích xu hướng phát triển của xã hội

trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ. Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

IV. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực
M1	Vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội	1	1
M2	Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất và ý thức, những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật, và lý luận nhận thức duy vật biện chứng	1	1
M3	Quan điểm cơ bản của CNDVLS: học thuyết HTKT-XH, giai cấp và dân tộc, nhà nước và CMXH, YTXH, con người	1	1

V. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu học phần	Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chuẩn đầu ra (Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực
M1	C1	Hiểu được về triết học và vấn đề cơ bản của triết học cũng như vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội	1	1
M2	C2	Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vấn đề cơ bản của triết học; hiểu được những nội dung cơ bản của phép biện chứng và lý luận nhận thức	1	1
M3	C3	Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	1	1

Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần (tổng hợp từ bảng trên)

Mã học phần	Tên học phần	Mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của CTĐT							
		1	2	3	4	5	6	7	8
MLP131	Triết học Mác – Lênin	1							

Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần

Nội dung	Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần		
	C1	C2	C3
Nội dung 1: Triết học và vai trò của triết học	a		

trong đời sống xã hội			
Nội dung 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		a	
Nội dung 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử			a

VI. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	Chuẩn đầu ra HP	Mức năng lực	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Địa điểm giảng dạy
Nội dung 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	10					
1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	5	C1	1	Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm	Kiểm tra tự luận Trắc nghiệm	Giảng đường
1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin	5					
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [1]; [2]						
Nội dung 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15					
2.1. Vật chất và ý thức	5	C2	1	Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm	Kiểm tra tự luận Trắc nghiệm	Giảng đường
2.2. Phép biện chứng duy vật	6					
2.3 Lý luận nhận thức	3					
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [2]; [3]						
Kiểm tra giữa kỳ	1			Kiểm tra (kết hợp giữa trắc nghiệm với tự luận)		Giảng đường
Nội dung 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	20					
3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội	4	C3	1	Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm	Kiểm tra tự luận Trắc nghiệm	Giảng đường
3.2. Giai cấp và dân tộc	4					
3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội	4					

3.4. Ý thức xã hội	4					
3.5. Triết học về con người	4					
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [1] [3]						
Tổng	45					

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần

Ma trận đánh giá CDR của học phần

Các CDR của học phần	Mức năng lực	Điểm chuyên cần (20%)	Điểm đánh giá quá trình (30%)	Điểm cuối kỳ (50%)
C1	1	x	x	x
C2	1	x	x	x
C3	1	x		x

2. Rubric đánh giá học phần

* Điểm chuyên cần:

Điểm chuyên cần = Điểm Rubric 1 x 0,8 + Điểm Rubric 2 x 0,2

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém < 4,0
Tham dự, thái độ học các buổi học lý thuyết trên lớp và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.	100%	Tham dự 85%-100% các buổi học. Tích cực phát biểu xây dựng bài. Không vi phạm nội quy lớp học. Tích cực chuẩn bị bài trước khi đến lớp.	Tham dự khoảng 70%-84% các buổi học. Thường xuyên phát biểu xây dựng bài. Không vi phạm nội quy lớp học. Có chuẩn bị bài trước khi đến lớp.	Tham dự khoảng 55%-69% các buổi học. Chưa tích cực phát biểu xây dựng bài. Bị giáo viên nhắc nhở việc thực hiện nội quy lớp học. Kết quả chuẩn bị bài mức trung bình.	Tham dự khoảng 41-54% các buổi học. Chỉ tham dự lớp học nhưng không phát biểu. Thường xuyên bị giáo viên nhắc nhở việc thực hiện nội quy lớp học. Không chuẩn bị bài.	Tham dự khoảng 20%-40% các buổi học. Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài học. Thường xuyên vi phạm nội quy lớp học. Không chuẩn bị bài.

Rubric 2: Thảo luận và làm việc nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Thảo luận nhóm	100	Tích cực tham gia thảo luận bài học và làm việc theo nhóm	Tham gia thảo luận và làm việc theo nhóm tương đối tích cực	Tham gia thảo luận và làm việc theo nhóm nhưng hiệu quả chưa cao	Có tham gia thảo luận nhưng chưa biết cách làm việc theo nhóm	Không tham gia thảo luận, làm việc theo nhóm

** Điểm kiểm tra đánh giá quá trình*

Điểm kiểm tra = Rubric 3 x 1,0

Rubric 3: Bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Bài kiểm tra tự luận (50% là trắc nghiệm và 50% tự luận)	100	Hiểu trên 85% kiến thức về vấn đề cơ bản của triết học, về sự ra đời và vai trò của triết học Mác-Lênin, và các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng	về vấn đề cơ bản của triết học, về sự ra đời và vai trò của triết học Mác-Lênin, và các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng	Hiểu 55% - 69% kiến thức về vấn đề cơ bản của triết học, về sự ra đời và vai trò của triết học Mác-Lênin, và các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng	Hiểu 40% - 54% kiến thức về vấn đề cơ bản của triết học, về sự ra đời và vai trò của triết học Mác-Lênin, và các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng	Hiểu dưới 40% kiến thức về vấn đề cơ bản của triết học, về sự ra đời và vai trò của triết học Mác-Lênin, và các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng

** Điểm cuối kỳ*

Điểm cuối kỳ = Rubric 4 x 1,0

Rubric 4: Bài thi kết thúc học phần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Bài thi tự luận (40% là trắc nghiệm và 60% tự luận)	100	Trả lời đúng 85-100% câu hỏi của bài tự luận	Trả lời đúng 70-84% câu hỏi của bài tự luận	Trả lời đúng 55-69% câu hỏi của bài tự luận	Trả lời đúng 40-54% câu hỏi của bài tự luận	Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi của bài tự luận

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo (ghi rõ mã số của thư viện)

1. Giáo trình:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (chưa có GT chính thức), Giáo trình Triết học Mác - Lênin, Nxb
MSTV.

2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

MSTV: GTB.015221.

[2] Dương Quốc Quân (2019), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.

MSTV : DB. 003626

[3] Đào Duy Tùng (1999), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb CTQG, Hà Nội.

MSTV: DB.000683

IX. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học của học phần (tiết)			Tổng
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
Nội dung 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	10	0	20	30
Nội dung 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	0	30	45
Nội dung 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	20	0	40	60
Tổng	45	0	90	135

X. Định hướng nghiên cứu của học phần

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đầy đủ bàn ghế, đủ không gian thảo luận nhóm, thoáng, sạch

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, mạng wifi

XII. Ngày phê duyệt lần đầu

Ngày ... tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Lèng Thị Lan

ThS. Nguyễn Thị Thúy

ThS. Nguyễn Thị Huyền

ThS. Lê Quốc Tuấn

XIII. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

Lần 1:	Người cập nhật Trưởng Bộ môn
Lần 2:	Người cập nhật Trưởng Bộ môn